

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/3/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Lê Văn Vững

2/Ông Mai Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị H, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trang Văn T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo hơn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Trang Văn T.

Về quan hệ nuôi con: có 03 con chung tên Trang Hoàng A – sinh năm 1992, Trang Tấn Đ – sinh năm 1998, Trang Thị Ngọc B – sinh ngày 02/9/2012. Hiện A, Đ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Ngọc B chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Không có.

- Anh Trang Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H cưới nhau năm 1992 và không có đăng ký kết hôn. Cách đây khoảng 09 – 10 năm, vợ chồng anh có lên thành phố làm công nhân. Sau đó anh bị bệnh và vợ anh kêu về quê giữ và lo cho đứa con nhỏ là Ngọc B đi học. Trong thời gian gần một năm nay vợ anh đi mãi không về. Nay, vợ anh yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì anh nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

-Về quan hệ nuôi con: có 03 con chung tên Trang Hoàng A – sinh năm 1992, Trang Tấn Đ– sinh năm 1998, Trang Thị Ngọc B – sinh ngày 02/9/2012. Hiện A, Đ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Ngọc B anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ: Tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Trang Văn T thống nhất cưới nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng do chị H và anh T không có đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1.....

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[2] Về quan hệ nuôi con: Chị H và anh T thống nhất có 03 con chung Trang Hoàng A – sinh năm 1992, Trang Tấn Đ – sinh năm 1998, Trang Thị Ngọc B – sinh ngày 02/9/2012. Hiện A, Đ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng Ngọc B có nguyện vọng sống với anh T và theo biên bản hòa giải về con, tài sản, nợ ngày 21/02/2019 chị H, anh T cũng thống nhất anh T tiếp tục nuôi Ngọc B và anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H tự nguyện cấp dưỡng cho Ngọc B mỗi tháng 1.000.000đ, cấp dưỡng cho đến khi Ngọc B tròn 18 tuổi. Xét sự tự nguyện này của chị H phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị H.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ nợ: Chị H, anh T thống nhất tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị H và anh Trang Văn T là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con: Trang Hoàng A, Trang Tấn Đ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T được quyền tiếp tục nuôi Trang Thị Ngọc B – sinh ngày 02/9/2012. Chị H tự nguyện cấp dưỡng cho Ngọc B mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi Ngọc B đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019.

Chị H, anh T có quyền nghĩa vụ, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H được quyền thăm con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Chị H, anh T tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000đ, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007451 ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị H nộp tiếp 300.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh